

Số:08 /QĐ - LTTg

Quận 8, ngày 29 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách hoàn trả học phí HKI Năm học 2023-2024 được hưởng chính sách hỗ trợ 100% học phí Theo Nghị Quyết 36/2023/NQHĐND ngày 08/12/2023 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Căn cứ Công văn số 6208/SGDĐT-KHTC ngày 27 tháng 10 năm 2023 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn Thành phố HCM;

Căn cứ Công văn số 2846/UBND-PGDĐT ngày 05 tháng 12 năm 2023 hướng dẫn thu, sử dụng học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn Quận 8;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 Của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn thành Phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 14/SGDĐT-KHTC ngày 03 tháng 01 năm 2024 Của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Nghị Quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập năm học 2023-2024 trên địa bàn Thành phố HCM;

Căn cứ Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hoàn tiền học phí HKI năm học 2023-2024 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông (đính kèm danh sách 1.180 học sinh)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng Văn phòng, các Tổ trưởng chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Châu

DANH SÁCH TRẢ LẠI HỌC PHÍ CHO HỌC SINH HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024
(Theo Quyết định số 08/QĐ-LTTg ngày 29/01/2024 của Trường THCS Lý Thánh Tông)

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
1	Nguyễn Toàn Gia An	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
2	Lê Nguyễn Hà Anh	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
3	Đặng Minh Anh	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
4	Đỗ Hoàng Thiên Bảo	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
5	Bùi Gia Hân	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
6	Trần Minh Hiền	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
7	Trần Quang Hiền	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
8	Đặng Nguyễn Bảo Khang	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
9	Lê Phước Minh Khang	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
10	Lê Tuấn Kiệt	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
11	Trần Phạm Chi Lan	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
12	Thái Thùy Lâm	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
13	Thái Bảo Long	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
14	Nguyễn Hoàng Long	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
15	Nguyễn Ngọc Hà Mi	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
16	Chung Dương Khánh Minh	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
17	Châu Phúc Minh	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
18	Phạm Trần Đông Nghi	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
19	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
20	Nguyễn Bảo Ngọc	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
21	Nguyễn Diệu Ngọc	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
22	Nguyễn Khôi Nguyên	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
23	Nguyễn Trung Nguyên	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
24	Đặng Bảo Nhi	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
25	Lê Bảo Nhi	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
26	Lê Hồ Kim Phụng	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
27	Nguyễn Anh Quân	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
28	Nguyễn Ngọc Phương Thy	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
29	Nguyễn Nhật Tiến	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
30	Hồ Ngọc Quỳnh Trân	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
31	Lê Quốc Tuấn	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
32	Huỳnh Kiến Văn	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
33	Vương Tinh Vũ	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
34	Phan Lê Hải Yến	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
35	Nguyễn Hải Yến	6/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
36	La Thị Bảo An	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
37	Vũ Ngọc Khánh An	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
38	Trương Gia Bảo	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
39	Nguyễn Ngọc Bằng	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
40	Phạm Lê Bằng Châu	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
41	Phạm Lâm Kim Chi	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
42	Huỳnh Cao Danh	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
43	Nguyễn Hà Thuỳ Dương	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
44	Phạm Đông Hải	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
45	Hồ Ngọc Hân	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
46	Nguyễn Trương Ngọc Hân	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
47	Trương Quốc Hưng	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
48	Vũ Duy Khánh	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
49	Phạm Đình Nam Khánh	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
50	Nguyễn Tiến Khoa	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
51	Phan Huy Hoàng Kim	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
52	Đình Thiên Kim	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
53	Hồ Thanh Lam	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
54	Hồ Tường Lam	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
55	Nguyễn Ngọc Xuân Linh	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
56	Phạm Nguyễn Hoàng Long	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
57	Mai Nguyễn Bảo Nghi	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
58	Lê Minh Nhiên	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
59	Nguyễn Hồng Diệu Quân	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
60	Nguyễn Minh Diễm Quỳnh	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
61	Dann Vinh Sơn	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
62	Đoàn Phạm Diệu Tâm	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
63	Nguyễn Hưng Thịnh	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
64	Phan Ngọc Thủy Tiên	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
65	Trần Vũ Quỳnh Trâm	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
66	Phan Ngọc Song Trinh	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
67	Đặng Thông Tuệ	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
68	Nguyễn Ngọc Thanh Vân	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
69	Cao Trần Tín Vương	6/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
70	Phạm Mai Quỳnh Anh	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
71	Bùi Ngọc Minh Châu	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
72	Bùi Ngọc Minh Châu	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
73	Phạm Ngọc Minh Châu	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
74	Ninh Khánh Hà	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
75	Phạm Lê Ngọc Hà	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
76	Trần Gia Hân	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
77	Nguyễn Diệp Tường Hân	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
78	Vũ Thế Hùng	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
79	Lương Nguyễn Ngọc Huy	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
80	Trần Mỹ Huyền	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
81	Phạm Minh Khải	6/3	Học sinh THCS	2	60.000	120.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
82	Nguyễn Minh Khang	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
83	Lê Văn Khanh	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
84	Nguyễn An Khánh	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
85	Trần Đức Khiêm	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
86	Phạm Anh Khoa	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
87	Đình Đức Khôi	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
88	Phạm Hoàng Khương	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
89	Nguyễn Hoàng Kim Long	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
90	Võ Phương Mẫn	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
91	Trương Gia Nguyên	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
92	Phạm Vũ Tiến Phát	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
93	Trần Hoàng Phúc	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
94	Võ Nguyễn Minh Phương	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
95	Nguyễn Huỳnh Minh Quân	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
96	Phan Vệ Quốc	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
97	Liên Hoàng Thái	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
98	Nguyễn Trần Quỳnh Thư	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
99	Nguyễn Phạm Ngọc Trân	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
100	Huỳnh Ngọc Thủy Trúc	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
101	Nguyễn Thuận Uyên	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
102	Nguyễn Khôi Vĩ	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
103	Nguyễn Thế Vinh	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
104	Trương Thế Vinh	6/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
105	Trần Quốc An	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
106	Trần Trâm Anh	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
107	Nguyễn Phi Bảo	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
108	Nguyễn Lương Minh Châu	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
109	Hồ Nguyên Chương	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
110	Lương Chí Cường	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
111	Hồ Trường Giang	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
112	Mai Ngọc Kim Hân	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
113	Nguyễn Hoàng Huy	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
114	Đỗ Ngọc Huỳnh	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
115	Huỳnh Duy Khang	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
116	Trần Duy Khanh	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
117	Trần Lê Bảo Khuê	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
118	Nguyễn Quốc Long	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
119	Đoàn Duy Minh	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
120	Hứa Trần Hoàng Minh	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
121	Trần Lê Khánh My	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
122	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
123	Triệu Khôi Nguyên	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
124	Nguyễn Đức Nhân	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
125	Trần Gia Phát	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
126	Nguyễn Minh Phát	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
127	Hoàng Ngọc Phương	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
128	Nguyễn Hoàng Quân	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
129	Phạm Hoàng Quân	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
130	Dương Phan Thục Quyên	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
131	Lê Sang	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
132	Nguyễn Mai Phương Thảo	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
133	Trần Bùi Thanh Thiện	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
134	Võ Tổng Thành Thông	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
135	Nguyễn Đỗ Thanh Thủy	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
136	Đinh Võ Anh Thư	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
137	Bùi Đỗ Bảo Tiên	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
138	Phạm Ngọc Bảo Trân	6/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
139	Đặng Trần Phúc Thịnh	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
140	Đoàn Chí Anh	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
141	Dương Nguyễn	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
142	Hồ Minh Khang	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
143	Hoàng Gia Bảo	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
144	Hoàng Minh Quân	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
145	Lăng Giai Hân	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
146	Lê Hải Phong	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
147	Lê Hoàng Gia Hân	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
148	Lê Hoàng Quân	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
149	Lê Triều Lâm	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
150	Lý Khôi Nguyên	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
151	Lý Ngọc Đan Thanh	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
152	Mai Trần Cát Tường	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
153	Nguyễn Chân Khang	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
154	Nguyễn Hà Phi Long	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
155	Nguyễn Hoàng Yến	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
156	Nguyễn Huỳnh Xuân Nhi	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
157	Nguyễn Khang	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
158	Nguyễn Kim Phúc	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
159	Nguyễn Kim Thanh	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
160	Nguyễn Ngọc Minh Thư	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
161	Nguyễn Phúc Thiện	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
162	Nguyễn Tố Phương Trinh	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
163	Nguyễn Trương Huyền Châu	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
164	Nguyễn Võ Quý An	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
165	Phạm Đỗ Anh Khoa	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
166	Phạm Thành Đạt	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
167	Phan Như Quỳnh	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



 CƠ SỞ

 ÔNG

 HUYỆN

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
168	Phan Võ Hoàng Phúc	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
169	Thái Văn Hoà	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
170	Trần Khánh Linh	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
171	Trần Nguyễn Nguyên Khang	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
172	Trương Hoàng Nhi	6/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
173	Chu Mai Gia An	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
174	Nguyễn Ngọc Phương Anh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
175	Lê Phước Thảo Anh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
176	Kiều Xuân Bách	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
177	Nguyễn Gia Bảo	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
178	Mai Quốc Cường	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
179	Nguyễn Phạm Thành Danh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
180	Đặng Gia Hân	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
181	Lý Gia Hân	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
182	Nguyễn Trung Hiếu	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
183	Trương Phúc Hưng	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
184	Phan Tấn Hưng	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
185	Phạm Quỳnh Hương	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
186	Nguyễn Hoàng Khang	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
187	Mai Phúc Khang	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
188	Phan Nguyễn Kim Khanh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
189	Trần Anh Khôi	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
190	Từ Dương Chấn Kiệt	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
191	Lại Thường Lạc	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
192	Đinh Thị Phương Linh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
193	Hoàng Lê Bình Minh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
194	Nguyễn Hà Phương Ngân	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
195	Tăng Minh Ngọc	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
196	Lê Thanh Nhã	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
197	Hoàng Tường Nhiên	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
198	Trương Gia Phát	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
199	Phạm Lê Hải Phong	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
200	Võ Thanh Phong	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
201	Nguyễn Minh Quang	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
202	Nguyễn Trí Quang	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
203	Nguyễn Dương Bảo Quyên	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
204	Nguyễn Lê Phương Quỳnh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
205	Phan Nguyễn Hà Thanh	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
206	Trần Vũ Tiến	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
207	Đỗ Thị Thanh Trúc	6/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
208	Nguyễn Phạm Gia An	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
209	Nguyễn Ngọc Khánh An	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
210	Huỳnh Mỹ An	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

HỒ CHÍ MINH

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
211	Võ Ngọc Nguyệt Ánh	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
212	Trần Trung Dũng	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
213	Huỳnh Hải Đăng	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
214	Nguyễn Hải Đăng	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
215	Lê Hương Giang	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
216	Lê Nguyễn Lam Giang	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
217	Hà Minh Huy	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
218	Chung Hoàng Đăng Khoa	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
219	Ngô Duy Khôi	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
220	Phạm Anh Kiệt	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
221	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lam	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
222	Nguyễn Hoàng Gia Mỹ	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
223	Trần Đại Nghĩa	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
224	Thái Nguyễn	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
225	Dương Quỳnh Nhi	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
226	Nguyễn Dương Minh Như	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
227	Lê Nguyễn Ngọc Như	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
228	Lê Kiến Ninh	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
229	Lê Nguyễn Minh Phúc	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
230	Hoàng Thiên Phúc	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
231	Võ Như Quỳnh	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
232	Ngô Lê Trúc Quỳnh	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
233	Châu Trí Thiện	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
234	Hứa An Thư	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
235	Trương Minh Thư	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
236	Lý Bảo Trân	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
237	Nguyễn Minh Triết	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
238	Trần Vĩ Triết	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
239	Trần Vĩnh Triết	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
240	Lê Anh Tú	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
241	Nguyễn Đông Tuệ	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
242	Huỳnh Gia Tuệ	6/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
243	Lê Vũ Nam An	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
244	Nguyễn Hiếu Anh	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
245	Nguyễn Thảo Anh	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
246	Trương Việt Anh	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
247	Phạm Hoàng Thiên Ân	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
248	Lê Huỳnh Gia Bảo	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
249	Nguyễn Ngọc Minh Châu	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
250	Lê Thái Quỳnh Chi	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
251	Nguyễn Lê Bá Dũng	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
252	Huỳnh Nhật Đăng	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
253	Đỗ Hoàng Giang	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
254	Bùi Hoàng Hải	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
255	Dương Nhật Hào	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
256	Trịnh Gia Hân	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
257	Trần Lưu Gia Huy	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
258	Cao Khánh Huy	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
259	Quách Tuấn Huy	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
260	Liêu Thị Mỹ Huyền	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
261	Trần Đình Khang	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
262	Trần Minh Khang	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
263	Phạm Minh Khoa	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
264	Phạm Đăng Khôi	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
265	Trần Minh Khôi	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
266	Lê Văn Khuê	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
267	Nguyễn Ngọc Bảo Kim	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
268	Nguyễn Ngọc Tường Lam	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
269	Đoàn Kiều Phương Linh	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
270	Hoàng Gia Long	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
271	Phan Hoàng Long	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
272	Lê Minh Long	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
273	Lương Nguyễn Phúc Long	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
274	Võ Ngọc Thanh Mai	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
275	Hoàng Ngọc My	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
276	Võ Ngọc Thanh Thảo	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
277	Thái Gia Thịnh	6/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
278	Nguyễn Huỳnh Bảo Châu	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
279	Huỳnh Ngọc Thuỳ Dương	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
280	Vũ Nguyễn Phú Đạt	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
281	Nguyễn Trần Hải Đăng	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
282	Phạm Minh Đăng	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
283	Cao Hoàng Trí Hải	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
284	Nguyễn Lê Bảo Hân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
285	Nguyễn Trọng Hiếu	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
286	Phan Nhật Huy	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
287	Trương Gia Hưng	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
288	Nguyễn Lưu Gia Khang	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
289	Nguyễn Ngọc Hoàng Kim	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
290	Phạm Ngọc Khánh Linh	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
291	Nguyễn Gia Long	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
292	Trần Chí Phi Long	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
293	Phạm Minh Luân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
294	Quách Hải My	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
295	Ngô Kỳ Nam	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
296	Ngô Ngọc Bảo Ngân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

QUA
TRƯ
NG H
THÁN

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
297	Huỳnh Kim Ngân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
298	Trần Ngọc Ngân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
299	Hồ Phương Nghi	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
300	Nguyễn Phúc Nguyên	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
301	Hoàng Hải Phong	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
302	Đặng Bảo Phúc	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
303	Lý Đặng Như Quỳnh	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
304	Lâm Tú Quỳnh	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
305	Đặng Minh Tâm	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
306	Nguyễn Huỳnh Phương Tâm	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
307	Phạm Ngọc Bảo Trân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
308	Nguyễn Võ Thái Trân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
309	Trần Khải Triều	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
310	Đỗ Minh Tường	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
311	Huỳnh Ngọc Khánh Vân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
312	Nguyễn Ngọc Thanh Vân	6/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
313	Nguyễn Duyên Minh Anh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
314	Ngô Quang Anh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
315	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
316	Ngô Trần Quỳnh Anh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
317	Trần Ngọc Song Anh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
318	Phạm Trần Trâm Anh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
319	Nguyễn Đỗ Xuân Anh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
320	Vũ Minh Châu	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
321	Nguyễn Thanh Thùy Dương	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
322	Nguyễn Đoàn Linh Đan	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
323	Nguyễn Phúc Minh Đạt	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
324	Hà Ngọc Bảo Hân	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
325	Nguyễn Đình Gia Hân	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
326	Châu Hồng Hoa	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
327	Đỗ Hồ Minh Hoàng	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
328	Nguyễn Đình Gia Huy	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
329	Nguyễn Văn Minh Khánh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
330	Võ Đăng Khôi	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
331	Lý Hải Minh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
332	Ngô Quang Minh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
333	Nguyễn Thế Minh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
334	Nguyễn Hà Bảo My	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
335	Dương Hồng Ngọc	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
336	Lê Phương Hồng Nhã	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
337	Nguyễn Toàn Gia Phát	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
338	Phạm Thanh Phong	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
339	Hà Huỳnh Thiên Phú	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
340	Nguyễn Phạm Cát Tiên Sa	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
341	Nguyễn Phúc Thịnh	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
342	Lê Hoàng Uyên Thy	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
343	Nguyễn Đức Trí	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
344	Trương Dương Cái Ứng	7/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
345	Trịnh Lê Tuyết Băng	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
346	Trình Tố Diệp	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
347	Nguyễn Thùy Dương	7/10	Học sinh THCS	2	60.000	120.000	
348	Nguyễn Thành Đạt	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
349	Nguyễn Trung Đức	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
350	Nguyễn Hoàng Trúc Giang	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
351	Bùi Thị Bích Hồng	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
352	Lâm Gia Huy	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
353	Văn Việt Hưng	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
354	Nguyễn Đức Tuấn Khải	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
355	Châu Duy Khiêm	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
356	Huỳnh Tấn Anh Khoa	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
357	Trần Anh Khoa	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
358	Trần Minh Khoa	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
359	Đặng Anh Khôi	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
360	Trần Minh Khôi	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
361	Nguyễn Lý Hoàng Lâm	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
362	Võ Hoàng Minh	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
363	Huỳnh Trần Uyên Minh	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
364	Nguyễn Hồ Trúc My	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
365	Lê Uyên My	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
366	Huỳnh Phương Nghi	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
367	Nguyễn Khôi Nguyên	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
368	Hứa Thảo Nhi	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
369	Lê Đình Hoàng Phát	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
370	Doãn Trần Hải Phong	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
371	Phạm Vĩnh Phú	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
372	Ngô Nhã Phúc	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
373	Lê Quốc Quy	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
374	Phan Thị Hoài Thương	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
375	Trần Lê Triết	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
376	Lê Hoàng Thanh Trúc	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
377	Nguyễn Đình Đức Tùng	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
378	Lê Song Bảo Vy	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
379	Phạm Nguyễn Tường Vy	7/10	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
380	Tạ Ngọc Đông Anh	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
381	Đỗ Nguyễn Hoàng Anh	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
382	Nguyễn Hồng Xuân Anh	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
383	Hà Gia Bảo	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
384	Huỳnh Khải Danh	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
385	Nguyễn An Di	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
386	Nguyễn Văn Ngọc Diệp	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
387	Trần Thùy Dương	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
388	Nguyễn Lê Linh Đan	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
389	Nguyễn Trần Ngọc Hà	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
390	Luân Khải Hòa	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
391	Huỳnh Minh Hoàng	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
392	Nguyễn Thái Khang	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
393	Nguyễn Đăng Khoa	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
394	Nguyễn Hoàng Phương Linh	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
395	Dương Triều Nam	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
396	Võ Bảo Ngọc	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
397	Phạm Trúc Nguyên	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
398	Dương Ngọc Như Quỳnh	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
399	Dương Lê Song San	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
400	Huỳnh Nhật Sơn	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
401	Nguyễn Huỳnh Hương Thảo	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
402	Đinh Phương Thảo	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
403	Nguyễn Hữu Thắng	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
404	Tsàn Minh Thiên	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
405	Nguyễn Thanh Thúy	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
406	Nguyễn Lê Tín	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
407	Võ Huỳnh Trâm	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
408	Phạm Mỹ Trâm	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
409	Thái Minh Trí	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
410	Trần Tăng Thanh Trúc	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
411	Lê Nguyễn Cát Tường	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
412	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	7/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
413	Ngô Tuấn Anh	7/3	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
414	Trần Nguyễn Thanh Hà	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
415	Tô Trần Bảo Hân	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
416	Phạm Gia Hân	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
417	Trần Gia Hân	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
418	Trương Gia Hân	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
419	Hồ Quốc Huy	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
420	Phạm Ngọc Tiên Huy	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
421	Nguyễn Đặng Đăng Khoa	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
422	Trần Thị Ngọc Khoa	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
423	Hoàng Mỹ Lam	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
424	Đỗ Hiểu Luân	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
425	Nguyễn Tấn Minh	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

HỒ CHÍ MINH

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
426	Phan Trần Thiên Minh	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
427	Huỳnh Trần Thảo My	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
428	Nguyễn Nhật Nam	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
429	Nguyễn Linh Nga	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
430	Nguyễn Lâm Phương Nga	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
431	Huỳnh Gia Nghi	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
432	Nguyễn Hồng Ngọc	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
433	Đỗ Bảo Khánh Nguyên	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
434	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
435	Nguyễn Phương Như	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
436	Phạm Tấn Phúc	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
437	Nguyễn Trọng Phúc	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
438	Dương Thị Trúc Phương	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
439	Nguyễn Lê Gia Thịnh	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
440	Lâm Anh Thư	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
441	Nguyễn Đức Toàn	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
442	Thái Huệ Trinh	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
443	Nguyễn Thanh Gia Vy	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
444	Võ Châu Kim Yến	7/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
445	Phạm Hoàn Khải	7/3	Học sinh THCS	2	60.000	120.000	
446	Bùi Mai Anh	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
447	Lê Quỳnh Anh	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
448	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
449	Ngô Gia Bảo	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
450	Nguyễn Trần Ngọc Châu	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
451	Võ Ngọc Diệp	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
452	Hồ Linh Đan	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
453	Nguyễn Minh Đăng	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
454	Huỳnh Trần Hữu Huy	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
455	Tạ Gia Hưng	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
456	Phạm Lê Gia Khang	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
457	Huỳnh Huy Khang	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
458	Nguyễn Phúc Khang	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
459	Nguyễn Trần Gia Khiêm	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
460	Trần Anh Khoa	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
461	Lê Khoa	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
462	Vũ Việt Khôi	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
463	Trần Lâm	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
464	Phạm Ngọc Diễm My	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
465	Hồ Thị Hồng Ngọc	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
466	Trịnh Mỹ Ngọc	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
467	Nguyễn Khôi Nguyên	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
468	Lê Nguyên	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

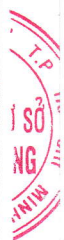


STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
469	Trần Thảo Nguyên	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
470	Trần Trọng Nhân	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
471	Châu Tấn Phát	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
472	Lại Huỳnh Ngọc Phương	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
473	Nguyễn Lê Sơn	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
474	Trần Quốc Thiện	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
475	Nguyễn Ngọc Trâm	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
476	Trần Thị Ánh Tuyết	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
477	Cao Ngọc Hà Vy	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
478	Lưu Thục Vy	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
479	Dương Kim Yến	7/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
480	Nguyễn Nguyên Anh	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
481	Nguyễn Quốc Bảo	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
482	Nguyễn Quốc Cường	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
483	Lâm Tuấn Đạt	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
484	Nguyễn Vũ Hải Đăng	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
485	Lâm Bảo Hân	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
486	Nguyễn Gia Huy	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
487	Huỳnh Quốc Huy	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
488	Võ Ngọc Anh Khang	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
489	Nguyễn Hữu Khang	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
490	Nguyễn Xuân Khánh	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
491	Phạm Đăng Khoa	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
492	Nguyễn Duy Khôi	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
493	Lâm Minh Khôi	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
494	Trần Gia Lạc	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
495	Phạm Gia Linh	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
496	Bùi Quốc Bình Minh	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
497	Huỳnh Tuấn Minh	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
498	Phan Hoàng Bảo Ngọc	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
499	Võ Chí Nguyên	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
500	Dương Ngọc Yến Nhi	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
501	Lưu Nguyễn Tấn Phát	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
502	Nguyễn Trương Hào Phong	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
503	Nguyễn Vinh Phúc	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
504	Võ Đình Minh Quân	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
505	Trần Hiếu Thy	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
506	Nguyễn Ngọc Minh Thy	7/5	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
507	Trần Ngọc Thủy Tiên	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
508	Nguyễn Ngô Thiên Trang	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
509	Phan Nguyễn Ngọc Trâm	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
510	Lê Hoàng Bảo Trân	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
511	Lê Ngọc Phương Trinh	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
512	Phạm Ngọc Thủy Trinh	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
513	Bùi Quốc Việt	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
514	Đoàn Lý Phương Vy	7/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
515	Phạm Ngọc Anh	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
516	Lê Nguyễn Nhật Anh	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
517	Lưu Kim Di	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
518	Lý Bách Diệp	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
519	Trần Vũ Ngọc Diệp	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
520	Trần Trí Hưng	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
521	Trần Bảo Khang	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
522	Trương Hoàng Khang	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
523	Nguyễn Song Nguyên Khang	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
524	Trần Bảo Duy Khánh	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
525	Nguyễn Anh Khoa	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
526	Trần Hữu Khoa	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
527	Lê Bá Gia Long	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
528	Nguyễn Duy Thiên Lộc	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
529	Trần Minh Mẫn	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
530	Trịnh Lê Minh	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
531	Vũ Cao Nhật Nam	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
532	Hứa Hiền Nga	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
533	Vũ Thiên Bảo Ngọc	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
534	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
535	Bùi Đức Phát	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
536	Trương Nguyễn Trúc Quỳnh	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
537	Trần Quang Thanh	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
538	Lê Duy Thiện	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
539	Trần Ngọc Anh Thư	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
540	Trần Quốc Tín	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
541	Trần Xoan Trà	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
542	Lê Thị Bảo Trân	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
543	Nguyễn Trần Bảo Trân	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
544	Nguyễn Minh Trí	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
545	Thái Thiên Trí	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
546	Huỳnh Quốc Tú	7/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
547	Vương Nhựt Anh	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
548	Trần Nguyễn Thủy Anh	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
549	Lê Trần Ngọc Châu	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
550	Nguyễn Tuyết Khánh Đoan	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
551	Phạm Hoàng Hiếu	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
552	Nguyễn Thanh Hoài	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
553	Phạm Gia Huy	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
554	Ngô Hà Quốc Huy	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

AN
 HỒNG
 HỌC C
 NH TÔ
 ★

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
555	Nguyễn Bình Khang	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
556	Đỗ Lê Minh Khang	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
557	Võ Phước Khang	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
558	Nguyễn Vũ Kim Khuyên	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
559	Nguyễn Thành Lợi	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
560	Huỳnh Ngọc Mỹ	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
561	Đào Khánh Nam	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
562	Nguyễn Lê Ngọc Ngân	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
563	Thái Thảo Nghi	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
564	Nguyễn Ngọc Xuân Nghi	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
565	Thái Phan Khánh Ngọc	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
566	Phan Minh Nhật	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
567	Trương Lâm Nhi	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
568	Vương Nguyễn An Nhiên	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
569	Phan Thái Minh Như	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
570	Nguyễn Thuý Quỳnh	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
571	Ngô Đình Kim Sơn	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
572	Tạ Hoàng Phương Thuý	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
573	Nguyễn Lê Thanh Trà	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
574	Đặng Huỳnh Tuấn Trường	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
575	Trần Gia Tường	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
576	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	7/7	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
577	Nguyễn Khánh Vân	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
578	Châu Hoa Vĩ	7/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
579	Hồ Huỳnh Ngọc Anh	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
580	Phạm Quỳnh Anh	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
581	Lê Đình Gia Bảo	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
582	Phạm Gia Bảo	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
583	Trần Ngọc Bảo Châu	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
584	Phan Nguyễn Đông Châu	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
585	Vũ Linh Chi	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
586	Trương Ngọc Diệp	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
587	Huỳnh Nguyễn Minh Đăng	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
588	Mai Thụy Như Hào	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
589	Lương Phan Huy Hoàng	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
590	Phạm Võ Gia Huy	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
591	Nguyễn Nhật Huy	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
592	Thân Quốc Hưng	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
593	Đình Quốc Khang	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
594	Nguyễn Minh Khánh	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
595	Lê Nam Khánh	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
596	Nguyễn Hoàng Bảo Kim	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
597	Trương Lê Bảo Nam	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
598	Trịnh Gia Nghi	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
599	Trần Kiến Tuệ Nhã	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
600	Hoàng Võ Phương Nhi	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
601	Nguyễn Minh Nhiên	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
602	Nguyễn Thái Yên Nhiên	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
603	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
604	Trần Hoàng Phúc	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
605	Nguyễn Duy Quang	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
606	Đàm Hoàng Thông	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
607	Nguyễn Hoàng Bích Trang	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
608	Đặng Ngọc Bảo Trân	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
609	Ngô Phạm Thủy Trúc	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
610	Nguyễn Hà Khánh Vy	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
611	Trần Nguyễn Mai Vy	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
612	Huỳnh Ngọc Tường Vy	7/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
613	Trương Minh Anh	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
614	Đào Quỳnh Anh	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
615	Ngô Gia Bảo	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
616	Trần Bảo Châu	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
617	Huỳnh Hân Di	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
618	Lê Thành Đạt	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
619	Cao Ngọc Hương Giang	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
620	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
621	Nguyễn Tô Bảo Hân	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
622	Huỳnh Ngọc Gia Hân	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
623	Ong Gia Hân	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
624	Phùng Gia Hân	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
625	Đoàn Trung Hiếu	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
626	Ngô Tuấn Khang	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
627	Cao Anh Khôi	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
628	Võ Trung Khôi	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
629	Nguyễn Trung Kiên	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
630	Bùi Nguyễn Ban Mai	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
631	Nguyễn Hoàng Minh	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
632	Lê Hồ Bảo Ngân	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
633	Giang Minh Khánh Ngân	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
634	Lê Nguyễn Diệp Phi	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
635	Trần Triệu Phong	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
636	Huỳnh Minh Quang	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
637	Nguyễn Văn Thuận	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
638	Hoàng Anh Thư	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
639	Đỗ Hoàng Nhất Thương	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
640	Nguyễn Hữu Trí	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
641	Nguyễn Gia Tuệ	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
642	Nguyễn Ngọc Phương Tuyền	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
643	Lâm Gia Uyên	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
644	Lê Phương Vy	7/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
645	Vũ Ngọc Khánh An	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
646	Lê Nguyễn Phúc An	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
647	Lê Huỳnh Tỷ An	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
648	Nguyễn Thiên Anh	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
649	Nguyễn Lưu Gia Cát	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
650	Võ Minh Khải Duyên	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
651	Trần Hữu Khang Điền	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
652	Hoàng Quốc Huy	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
653	Lưu Tuấn Hưng	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
654	Lưu Gia Hy	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
655	Đỗ Ngân Khánh	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
656	Trịnh Thiên Kỳ	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
657	Lưu Gia Lâm	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
658	Phạm Thanh Lâm	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
659	Hoàng Phương Nhật Minh	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
660	Trương Kỳ Nam	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
661	Phạm Hoàng Kim Ngân	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
662	Nguyễn Huỳnh Phát	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
663	Mai Trần Thanh Tân	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
664	Thái Thanh Thư	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
665	Nguyễn Đức Tiến	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
666	Đặng Lâm Minh Trí	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
667	Vương Tinh Vân	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
668	Đào Thế Vinh	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
669	Bùi Triệu Vương	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
670	Nguyễn Phương Vy	8/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
671	Huỳnh Gia An	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
672	Hoàng Thiên An	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
673	Nguyễn Tú Anh	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
674	Đặng Lê Gia Bảo	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
675	Trương Bảo Châu	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
676	Nguyễn Anh Đức	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
677	Trần Nhật Giang	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
678	Vũ Trọng Hiếu	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
679	Đỗ Kim Hồng	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
680	Vũ Gia Huy	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
681	Nguyễn Chấn Hưng	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
682	Lê Thiên Trí Hữu	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
683	Đinh Hoàng Khang	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
684	Nguyễn Lê Minh Khang	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
685	Phùng Hoàng Lâm	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
686	Nguyễn Lương Phúc Long	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
687	Đặng Quang Minh	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
688	Hoàng Trang My	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
689	Trần Đoàn Kim Ngân	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
690	Lữ Ái Ngọc	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
691	Trần Phúc Nguyên	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
692	Phạm Ái Nhi	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
693	Ung Nguyễn Quỳnh Như	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
694	Ngô Thị Hồng Phước	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
695	Trương Lương Nhã Thi	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
696	Đặng Ngọc Bích Trâm	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
697	Võ Trần Minh Tuyết	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
698	Lê Hoàng Thanh Vân	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
699	Trương Triển Vinh	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
700	Nguyễn Lê Tường Vy	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
701	Phạm Vũ Hoàng Yên	8/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
702	Nguyễn Lê Khánh An	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
703	Cao Ngô Minh Anh	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
704	Ngô Thanh Duy	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
705	Lê Nguyễn Linh Đan	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
706	Nguyễn Trần Gia Hân	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
707	Nguyễn Đức Huy	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
708	Hoàng Gia Huy	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
709	Bùi Hữu Khải	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
710	Phan Huỳnh Gia Khang	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
711	Trang Liêu Phúc Khang	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
712	Lương Tuấn Khang	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
713	Võ Trần Minh Khoa	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
714	Trần Xuân Mai	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
715	Đỗ Gia Minh	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
716	Mai Trung Nghĩa	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
717	Nguyễn Bảo Ngọc	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
718	Hồ Như Ngọc	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
719	Bùi Mai Phương	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
720	Lê Tuấn Phương	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
721	Quách Vũ Khai Tâm	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
722	Hồng Quang Thái	8/3	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
723	Phan Ngọc Minh Thanh	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
724	Bùi Duy Thành	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
725	Cao Nguyễn Ngọc Thảo	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
726	Nguyễn Hoàng Thiện	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
727	Lê Mỹ Tiên	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
728	Đào Tông Trạch	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
729	Nguyễn Phú Trọng	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
730	Đỗ Mỹ Uyên	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
731	Lê Phương Thảo Vy	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
732	Nguyễn Tường Vy	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
733	Nguyễn Mai Thiên Ý	8/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
734	Nguyễn Ngọc Hà Anh	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
735	Lê Nhật Phương Anh	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
736	Nguyễn Thị Ánh Dương	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
737	Lâm Huỳnh Đức	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
738	Nguyễn Trần Gia Hân	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
739	Lê Ngọc Hậu	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
740	Dương Lâm Anh Huy	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
741	Nguyễn Nhật Huy	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
742	Lê Lâm Khang	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
743	Cù Đình Minh Khôi	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
744	Lê Minh Khôi	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
745	Trần Nguyễn Phương Linh	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
746	Trần Trà My	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
747	Nguyễn Hoàng Nam	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
748	Trần Khánh Ngọc	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
749	Huỳnh Song Nguyên	8/4	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
750	Lê Nguyễn	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
751	Trần Hiếu Nhân	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
752	Nguyễn Hữu Phước	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
753	Đình Ngọc Khánh Quỳnh	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
754	Nguyễn Phan Băng Tâm	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
755	Nguyễn Minh Thắng	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
756	Nguyễn Đức Thiện	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
757	Đoàn Văn Quốc Thịnh	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
758	Phùng Minh Thu	8/4	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
759	Đỗ Thành Trung	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
760	Nguyễn Bảo Tường	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
761	Lê Cáp Thiên Uyên	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
762	Đoàn Khánh Vân	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
763	Trần Thị Thanh Vân	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
764	Đặng Nguyễn Khánh Vy	8/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
765	Lê Quỳnh Anh	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
766	Trần Huỳnh Gia Bảo	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
767	Nguyễn Quốc Bảo	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
768	Đào Hồng Bảo Châu	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
769	Trần Ái Cơ	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

UÂN
 ƯỜNG
 HỌC C
 ANH T
 *

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
770	Nguyễn Phạm Trúc Hà	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
771	Lâm Bảo Hân	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
772	Trần Gia Hiếu	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
773	Nguyễn Trí Hiếu	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
774	Nguyễn Thái Nhật Huy	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
775	Đoàn Nguyễn Nam Kha	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
776	Nguyễn Hoàng Vân Khánh	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
777	Nguyễn Minh Khoa	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
778	Nguyễn Hoàng Khôi	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
779	Trịnh Tuấn Kiệt	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
780	Phan Quang Bảo Minh	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
781	Nguyễn Hoàng Minh	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
782	Lê Ngọc Gia Nghi	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
783	Nguyễn Hoàng Phương Nghi	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
784	Nguyễn Đức Uyên Nhi	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
785	Nguyễn Thành Phát	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
786	Phạm La Minh Sơn	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
787	Nguyễn Trương Đình Minh T	8/5	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
788	Nguyễn Ngọc Minh Thư	8/5	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
789	Huỳnh Nhã Thư	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
790	Trần Ngọc Bảo Thy	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
791	Trương Ngọc Tiên	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
792	Nguyễn Kim Phụng Tiên	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
793	Huỳnh Thủy Tiên	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
794	Nguyễn Võ Ngọc Thanh Vân	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
795	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	8/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
796	Nguyễn Ngọc Đông Anh	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
797	Bùi Thế Anh	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
798	Bùi Gia Bảo	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
799	Tăng Lâm Gia Bảo	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
800	Huỳnh Lê Gia Bảo	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
801	Bùi Đỗ Hiếu Bảo	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
802	Nguyễn Lê Hoàng	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
803	Nguyễn Lê Bảo Khang	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
804	Trần Minh Khang	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
805	Bùi Trần Quốc Khánh	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
806	Nguyễn Bá Đăng Khoa	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
807	Trần Đăng Đăng Khoa	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
808	Nguyễn Khoa	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
809	Phan Nguyễn Thảo Ly	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
810	Nguyễn Thảo Xuân Mai	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
811	Phạm Nguyễn Trúc My	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
812	Huỳnh Lê Xuân Nguyên	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
813	Nguyễn Thành Phát	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
814	Trần Võ Đại Phú	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
815	Thạch Uyên Phương	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
816	Lý Kiến Quốc	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
817	Trần Thu Tú Quyên	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
818	Nguyễn Việt Tiến	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
819	Vũ Thị Quỳnh Trâm	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
820	Nguyễn Ngọc Trân	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
821	Nguyễn Minh Trí	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
822	Nguyễn Thị Ánh Triều	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
823	Nguyễn Hoàng Trúc Uyên	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
824	Huỳnh Phương Vy	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
825	Phạm Ngọc Thuý Vy	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
826	Nguyễn Ngọc Như Ý	8/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
827	Hoàng Hồ Khánh An	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
828	Phạm Huỳnh Lê An	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
829	Phùng Gia Bảo	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
830	Trần Quang Bảo	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
831	Dương Huỳnh Thanh Bảo	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
832	Nguyễn Minh Châu	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
833	Huỳnh Minh Đạt	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
834	Võ Mỹ Đình	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
835	Lê Anh Đức	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
836	Phạm Đỗ Minh Đức	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
837	Dương Thái Bảo Hân	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
838	Lương Nguyễn Ngọc Hân	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
839	Tran Tony Huê	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
840	Trần Gia Huy	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
841	Trần Gia Khang	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
842	Nguyễn Anh Khôi	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
843	Lê Công Minh	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
844	Lương Gia Minh	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
845	Đỗ Kiến Minh	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
846	Dương Ngọc Thảo My	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
847	Nguyễn Bảo Nghi	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
848	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
849	Từ Khánh Ngọc	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
850	Lý Bội Nhi	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
851	Trần Xuân Yến Nhi	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
852	Đinh Thị Anh Thư	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
853	Phan Duy Cao Trí	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
854	Trần Thanh Vân	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
855	Lê Quốc Vinh	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

HỒ CHÍ MINH

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
856	Dương Nhã Ý Vy	8/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
857	Vương Thiên An	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
858	Nguyễn Văn An	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
859	Trương Quốc Anh	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
860	Lê Ngọc Trâm Anh	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
861	Lê Phạm Minh Bảo	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
862	Nguyễn Lê Quỳnh Chi	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
863	Huỳnh Nguyễn Nhật Duy	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
864	Phạm Ngân Hà	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
865	Trương Đình Thanh Hải	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
866	Lê Bảo Hân	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
867	Lưu Gia Huy	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
868	Nguyễn Đình Khải	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
869	Trần Phú An Khanh	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
870	Nguyễn Huỳnh Ngân Khánh	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
871	Trần Gia Linh	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
872	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
873	Huỳnh Ngô Như Ngọc	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
874	Phạm Như Ngọc	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
875	Nguyễn Thiện Nhân	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
876	Hoàng Mai Phương Nhi	8/8	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
877	Trần Hà Uyên Nhi	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
878	Tạ Nguyễn Huy Phong	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
879	Nguyễn Ngọc Trúc Quyên	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
880	Nguyễn Vĩnh Thành	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
881	Nguyễn Hải Thiên	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
882	Nguyễn Đặng Xuân Thủy	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
883	Huỳnh Minh Tiến	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
884	Trần Huỳnh Thanh Trúc	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
885	Trần Anh Tuấn	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
886	Nguyễn Tường Vân	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
887	Nguyễn Tường Vi	8/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
888	Phạm Ngọc Mộc Anh	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
889	Đỗ Quang Anh	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
890	Lý Võ Quỳnh Anh	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
891	Đoàn Gia Bảo	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
892	Phạm Trí Dũng	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
893	Lê Trương Khiết Đan	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
894	Phan Tuấn Khải	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
895	Nguyễn Minh Khôi	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
896	Đình Quang Khôi	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
897	Lâm Nguyễn Minh Khuê	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
898	Bùi Phúc Lộc	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
899	Nguyễn Thảo Minh	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
900	Hoàng Nguyễn Trà My	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
901	Lê Nam	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
902	Đặng Bảo Ngọc	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
903	Nakasa Hoàng Bảo Ngọc	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
904	Nguyễn Bảo Nguyên	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
905	Trần Phan Bích Nhã	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
906	Nguyễn Hồng Bảo Như	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
907	Lê Quỳnh Như	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
908	Tô An Phước	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
909	Trần Trang Thiên Tâm	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
910	Phạm Ngô Hoàng Thạch	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
911	Nguyễn Ngọc Mai Thy	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
912	Nguyễn Phạm Minh Thy	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
913	Nguyễn Hoàng Trung Tín	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
914	Trần Minh Trí	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
915	Lê Bá Hoàng Triều	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
916	Đặng Văn Trọng	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
917	Hoàng Khánh Vân	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
918	Huỳnh Hạnh Vy	8/9	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
919	Phạm Minh Anh	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
920	Trần Phương Anh	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
921	Mai Đặng Xuân Anh	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
922	Đặng Quốc Bảo	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
923	Trần Trí Dũng	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
924	Lê Nguyễn Hải Đăng	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
925	Đỗ Khánh Đoan	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
926	Nguyễn Ngọc Hân	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
927	Nguyễn Chí Hùng	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
928	Trần Võ Anh Khoa	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
929	Bùi Võ Anh Khôi	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
930	Lê Ngọc Nhã Kỳ	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
931	Trình Nhã Kỳ	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
932	Nguyễn Phúc Tường Linh	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
933	Lê Bảo Long	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
934	Nguyễn Hoàng Long	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
935	Nguyễn Tấn Minh	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
936	Đỗ Bảo Nghi	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
937	Nguyễn Tố Phương Nghi	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
938	Thái Bảo Ngọc	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
939	Sử Nguyên	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
940	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
941	Trương Ý Nhi	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
942	Lưu Minh Thanh Phong	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
943	Phạm Minh Khánh Tâm	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
944	Nguyễn Tuấn Thông	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
945	Nguyễn Minh Tiến	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
946	Võ Nguyễn Minh Triết	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
947	Trần Tuấn Vĩ	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
948	Lê Phạm Khánh Vy	9/1	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
949	Phạm Trường An	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
950	Bùi Minh Anh	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
951	Đỗ Ngọc Trâm Anh	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
952	Ngô Vân Anh	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
953	Trần Khiết Băng	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
954	Nguyễn Ngọc Minh Châu	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
955	Nguyễn Ngọc Lan Chi	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
956	Vũ Thanh Dân	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
957	Nguyễn Công Duy	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
958	Huỳnh Phạm Minh Dương	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
959	Đỗ Ngọc Hà	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
960	Trần Đồng Bảo Hân	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
961	Huỳnh Gia Hân	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
962	Nguyễn Ngọc Hiếu	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
963	Nguyễn Gia Huy	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
964	Đỗ Hoàng Huy	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
965	Nguyễn Phan Minh Khang	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
966	Nguyễn Phạm Đăng Khoa	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
967	Nguyễn Hoàng Khôi	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
968	Phạm Huỳnh Thiên Kim	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
969	Nguyễn Hồng Lâm	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
970	Huỳnh Lý Luân	9/2	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
971	Lu Vĩ Luân	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
972	Nguyễn Trung Nghĩa	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
973	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
974	Nguyễn Công Nguyên	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
975	Nguyễn Hồng Quân	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
976	Phạm Huy Sơn	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
977	Trần Anh Thư	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
978	Lê Châu Bảo Tiên	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
979	Kiến Ngọc Thùy Trâm	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
980	Thái Ngọc Bảo Trân	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
981	Trần Thanh Trúc	9/2	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
982	Phạm Duy Anh	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
983	Nguyễn Quỳnh Anh	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
984	Võ Hoàng Gia Bảo	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
985	Nguyễn Ngọc Minh Châu	9/3	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
986	Võ Ngọc Kim Chi	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
987	Nguyễn Ngọc Phương Chi	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
988	Phạm Nguyên Đăng	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
989	Huỳnh Khánh Phúc Điền	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
990	Võ Việt Hà	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
991	Hứa Ngô Kiến Hào	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
992	Phạm Ngọc Bảo Hân	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
993	Lê Đăng Huy	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
994	Lại Quốc Huy	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
995	Trần Gia Hưng	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
996	Đỗ Nguyễn Hưng	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
997	Lại Dương Kha	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
998	Lâm Phước Khải	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
999	Nguyễn Duy Khang	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1000	Bùi Trần Minh Khang	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1001	Lê Nam Khang	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1002	Lý Kim Khánh	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1003	Trần Anh Khoa	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1004	Đồng Đăng Khôi	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1005	Nguyễn Minh Khôi	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1006	Nguyễn Hoàng Kim	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1007	Thái Gia Lạc	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1008	Phạm Hoàng Lâm	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1009	Bành Gia Mẫn	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1010	Lê Nguyễn Phương Nghi	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1011	Hồ Nguyễn Bảo Ngọc	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1012	Nguyễn Đào Tiến Phát	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1013	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1014	Nguyễn Trần Như Quỳnh	9/3	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1015	Nguyễn Dương Minh An	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1016	Nguyễn Ngọc Phương Anh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1017	Lê Quốc Anh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1018	Phan Vũ Bảo Châu	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1019	Thái Kim Hào	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1020	Phạm Minh Hoàng	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1021	Lê Văn Hùng	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1022	Bùi Gia Huy	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1023	Phạm Tuấn Hưng	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1024	Nguyễn Trí Khánh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1025	Trần Minh Khôi	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1026	Trần Ngọc Khôi	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1027	Ngô Huỳnh Nguyên Khôi	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
1028	Tôn Thất Trần Nguyên Khôi	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1029	Võ Anh Kiệt	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1030	Nguyễn Tuấn Kiệt	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1031	Huỳnh Nguyễn Trúc Lam	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1032	La Mẫn Linh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1033	Nguyễn Huỳnh Tú Linh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1034	Trần Phi Long	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1035	Nguyễn Duy Minh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1036	Huỳnh Quốc Minh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1037	Võ Ngọc Quốc Minh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1038	Trương Kiều My	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1039	Lâm Hoàng Nam	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1040	Trần Kim Ngân	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1041	Nguyễn Hoàng Hiếu Nghĩa	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1042	Trần Trung Nghĩa	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1043	Lê Bích Ngọc	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1044	Trương Khả Như	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1045	Huỳnh Ngọc Gia Phúc	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1046	Nguyễn Thành Tài	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1047	Lê Ngọc Đan Thanh	9/4	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1048	Nguyễn Hải Đăng	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1049	Lê Phước Khang	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1050	Đặng Gia Khiêm	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1051	Phan Minh Khoa	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1052	Nguyễn Lê Nguyên Khoa	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1053	Nguyễn Hà Vương Nghi	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1054	Nguyễn Huỳnh Khánh Ngọc	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1055	Lê Thảo Nguyên	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1056	Lê Trúc Nhi	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1057	Nguyễn Đình Phú	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1058	Trà Huỳnh Gia Phúc	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1059	Huỳnh Hữu Phúc	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1060	Đậu Đăng Vĩnh Phúc	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1061	Nguyễn Huệ Phụng	9/5	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
1062	Nguyễn Thị Kiều Phương	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1063	Phan Ngọc Uyên Phương	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1064	Lê Minh Quân	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1065	Võ Minh Quân	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1066	Phan Nguyễn Hoài Sơn	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1067	Nguyễn Tấn Tài	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1068	Nguyễn Hoàng Thiên	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1069	Lê Minh Thiên	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1070	Trương Quốc Thịnh	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	

HỒ CHÍ

STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
1071	Nguyễn Minh Thu	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1072	Trần Minh Thu	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1073	Huỳnh Khánh Phi Tuyết	9/5	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
1074	Lê Ngọc Phương Uyên	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1075	Trịnh Phước Vinh	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1076	Luân Thế Vinh	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1077	Nguyễn Hà Phương Vy	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1078	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1079	Nguyễn Huỳnh Thục Vy	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1080	Võ Ngọc Tường Vy	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1081	Lê Hoàng Bảo Yến	9/5	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1082	Nguyễn Ngọc Bình An	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1083	Phan Thái Bình An	9/6	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
1084	Hồ Nguyễn Gia An	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1085	Lê Phương Hoàng Anh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1086	Dương Huỳnh Tuệ Anh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1087	Nguyễn Thanh Bình	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1088	Phạm Ngọc Châu	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1089	Võ Ngọc Quỳnh Chi	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1090	Trần Phạm Uyên Chi	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1091	Nguyễn Huỳnh Thanh Đạt	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1092	Đào Phúc Hậu	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1093	Ngô Bảo Khang	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1094	Hứa Minh Khang	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1095	Lê Trương Tuấn Kiệt	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1096	Nguyễn Hồng Mỹ Kim	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1097	Lương Hoàng Hải Lam	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1098	Đỗ Hiếu Lam	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1099	Lê Hà Linh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1100	Nguyễn Phạm Khánh Linh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1101	Trần Lê Trúc Linh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1102	Trần Nguyễn Hoàng Long	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1103	Nguyễn Thái Long	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1104	Đỗ Tuệ Mẫn	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1105	Lưu Tuấn Minh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1106	Nguyễn Hồng Phương Nhi	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1107	Trần Ái Như	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1108	Lâm Thịnh Phát	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1109	Phạm Lan Phương	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1110	Trần Ngọc Phương Quỳnh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1111	Huỳnh Phúc Thịnh	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1112	Thôi Thị Minh Thơ	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1113	Nguyễn Ngọc Quỳnh Thy	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
1114	Lê Nguyễn Bảo Trân	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1115	Nguyễn Phan Minh Tú	9/6	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1116	Nguyễn Hoàng Phương Vy	9/6	Học sinh THCS	3	60.000	180.000	
1117	Nguyễn Ngọc Minh Anh	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1118	Đoàn Phương Anh	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1119	Phạm Quỳnh Anh	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1120	Trương Diệp Bảo	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1121	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1122	Nguyễn Lê Ngọc Châu	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1123	Phạm Minh Đăng	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1124	Trương Bảo Hân	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1125	Hồ Gia Hân	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1126	Nguyễn Phát Hưng	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1127	Trần Minh Khang	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1128	Tăng Ngọc Kim Khánh	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1129	Nguyễn Đăng Khoa	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1130	Nguyễn Thị Hoàng Lam	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1131	Nguyễn Thị Ngọc Linh	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1132	Tạ Quang Long	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1133	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1134	Nguyễn Hoàng Phương Nghi	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1135	Trương Bảo Ngọc	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1136	Phạm Thị Xuân Ngọc	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1137	Nguyễn Ngô Thanh Nhã	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1138	Hoàng Bảo Nhiên	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1139	Lê Quang Phúc	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1140	Nguyễn Quang Phúc	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1141	Văn Anh Phương	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1142	Dương Lê Phước Sang	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1143	Nguyễn Ái Thảo	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1144	Trần Quang Bảo Tín	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1145	Lê Nguyễn Nhã Trúc	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1146	Hán Gia Tuệ	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1147	Dương Quốc Vũ	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1148	Phan Hoàng Thảo Vy	9/7	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1149	Lâm Ngọc Bảo Anh	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1150	Huỳnh Vũ Phương Anh	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1151	Trần Ánh Châu	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1152	Lê Võ Mai Chi	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1153	Nguyễn Ngô Ngọc Diệp	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1154	Nguyễn Minh Duy	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1155	Nguyễn Hải Đăng	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1156	Cao Bảo Giang	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Đối Tượng	Học Kỳ I NH 2023-2024		Số tiền học phí đề nghị hoàn trả	Ký Nhận
				Số Tháng đã đóng	Mức đã đóng/Tháng		
1157	Đoàn Vũ Bảo Hân	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1158	Trần Đặng Mỹ Hân	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1159	Võ Thừa Thái Hòa	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1160	Nguyễn Ngô Phúc Khang	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1161	Bùi Nguyên Khôi	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1162	Nguyễn Hoàng Kim	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1163	Hồ Thiên Kim	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1164	Nguyễn Ngọc Bảo Lan	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1165	Huỳnh Ngọc Thảo Linh	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1166	Phan Thành Long	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1167	Lâm Trúc Mai	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1168	Phạm Ngọc Bảo Minh	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1169	Hoàng Khởi Minh	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1170	Mai Hoàng Nam	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1171	Trần Nguyễn Phương Nghi	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1172	Nguyễn Minh Ngọc	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1173	Hứa Nhã Phương	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1174	Tô Nữ Thùy Phương	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1175	Phạm Hoàng Anh Quân	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1176	Trang Lê Quỳnh	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1177	Lâm Bảo Thy	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1178	Vũ Thảo Minh Trang	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1179	Nguyễn Cổ Minh Trí	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
1180	Võ Thanh Vy	9/8	Học sinh THCS	4	60.000	240.000	
	Tổng					281.940.000	

Số Tiền bằng chữ : Hai trăm tám mươi một triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn

Người lập bảng



Ngô Thị Thu Bích

Quận 8, ngày 29 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Châu